

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-02-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bá Trung Ấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thái.

Bà Hứa Thị Mây Sum.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Từ Nữ Lê Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết H, sinh năm: 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

- Bị đơn: Anh Huỳnh Thế V, sinh năm: 1985; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 11 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết H trình bày: Chị và anh Huỳnh Thế V tiến đến hôn nhân tự nguyện năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 09-7-2013. Sau khi lấy nhau vợ chồng chị sống tại thôn T, xã P được một thời gian thì chuyển đến thôn B, xã P sinh sống nhưng vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc, đến

năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, mỗi lần chị đưa ra kế hoạch bàn bạc thì anh V hay cáu gắt cãi vã nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm chia sẻ lẫn nhau. Từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay anh V đã về thôn T sinh sống, còn chị và con vẫn sống tại thôn B. Trong thời gian sống ly thân chị và anh V không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay chị kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì chị cũng không trở về chung sống với anh V được nữa.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Huỳnh Hoàng Hải Đ, sinh ngày 20-9-2012. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nếu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V thì chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Thế V trình bày: Anh và chị Lê Thị Tuyết H tiến đến hôn nhân tự nguyện năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P năm 2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do chị H sống không hòa thuận và đối xử thiếu tế nhị với cha mẹ ruột của anh. Từ tháng 4 năm 2017 đến nay anh và chị H đã sống ly thân, mặc dù anh có điện thoại cho chị H để tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không thành. Nay chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H vì anh vẫn còn tình cảm với chị H, mặc dù trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh Hoàng Hải Đ, sinh ngày 20-9-2012. Hiện nay con đang sống với chị H, nếu Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H thì anh đồng ý giao con cho chị H được tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam phát biểu ý kiến như sau: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn anh Huỳnh Thế V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Tuyết H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Huỳnh Thế V có nơi cư trú tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[3]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết H và anh Huỳnh Thế V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 09 tháng 7 năm 2013 đúng quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Quá trình chung sống, chị H và anh V thừa nhận vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh V cho rằng do chị H sống không hòa thuận và thiếu tế nhị với cha mẹ ruột của anh. Từ tháng 4 năm 2017 cho đến nay chị H, anh V đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không tìm cách hàn gắn lại được. Về phía anh V, tuy xin đoàn tụ nhưng không có biểu hiện tích cực gì để cải thiện, hàn gắn tình cảm với chị H để vợ chồng hòa hợp. Hơn nữa, Tòa án mở phiên hòa giải lần thứ hai để tạo điều kiện cho anh V, chị H có cơ hội được hàn gắn, đoàn tụ nhưng anh V không đến, điều này thể hiện anh V không có thiện chí đoàn tụ gia đình, không tha thiết bảo vệ hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại chung sống với anh V. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh V mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị H, anh V có 01 con chung là Huỳnh Hoàng Hải Đ, sinh ngày 20-9-2012. Từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, quá trình giải quyết vụ án anh V cũng đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho chị H được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị H tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con là quyền định đoạt của đương sự nên không xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết H.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết H được ly hôn với anh Huỳnh Thế V.

2. Về nuôi con chung: Giao 01 con chung Huỳnh Hoàng Hải Đ, sinh ngày 20-9-2012 cho chị Lê Thị Tuyết H trực tiếp nuôi. Anh Huỳnh Thế V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Lê Thị Tuyết H không yêu cầu.

Anh Huỳnh Thế V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011060 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam; chị Lê Thị Tuyết H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08-02-2018). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bá Trung Ân